

# Văn hóa giáo dục Nhật Bản thời đại toàn cầu hóa - từ lí luận đến thực tiễn

Trần Thị Thuỳ Trang\*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

## TÓM TẮT

Bước vào thế kỉ XXI, theo xu hướng của bối cảnh toàn cầu hóa, song song với việc phần lớn các quốc gia trên thế giới đang bị cuốn vào tiến trình đồng nhất hóa trên nhiều lĩnh vực như giáo dục, kinh tế, chính trị, v.v., thì những yếu tố đặc trưng thể hiện bản sắc dân tộc lại ngày càng nhận được sự quan tâm đặc biệt từ xã hội. Chính sự quan tâm này đã khiến cho việc nghiên cứu văn hóa trở thành nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết. Trong đó, giáo dục, một trong những trụ cột tạo nên sức mạnh của quốc gia, cũng không nằm ngoài xu hướng nghiên cứu dưới góc nhìn văn hóa từ cuối thế kỷ XX. Từ đây, lí luận về văn hóa giáo dục, đặc biệt là những ứng dụng nghiên cứu văn hóa giáo dục này giữ vai trò then chốt trong việc nhận diện bản chất và đặc trưng của nền giáo dục trong từng bối cảnh văn hóa cụ thể của mỗi quốc gia, dân tộc. Bài báo vận dụng phương pháp định tính (tổng quan tài liệu và phân tích diễn ngôn các văn bản chính sách giáo dục) để lí luận về văn hóa giáo dục; và dựa trên cấu trúc văn hóa giáo dục - được đề xuất từ lí luận, xâu chuỗi các biểu hiện trong hoạt động giáo dục, hoạt động văn hóa - xã hội của Nhật Bản xoay quanh ba trụ cột năng lực cốt lõi (đó là (1) tri thức và kĩ năng, (2) năng lực tư duy - năng lực phán đoán - năng lực biểu đạt, (3) tính nhân văn đối với việc học) để thích ứng với các vấn đề lớn của xã hội do tiến trình hiện đại hoá - toàn cầu hóa. Kết quả nghiên cứu chính của bài báo đóng góp lí luận về văn hóa giáo dục. Khảo sát, đánh giá bước đầu về văn hóa giáo dục Nhật Bản là bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc phát huy bản sắc dân tộc khi thực hiện đổi mới giáo dục thời đại toàn cầu hóa.

**Từ khoá:** Lí luận văn hóa giáo dục, văn hóa giáo dục Nhật Bản, giáo dục Nhật Bản, toàn cầu hóa, bản sắc văn hóa

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn hóa là một hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần, tồn tại hiển hiện trên bề mặt - có thể nhìn thấy, và ở cả lớp ẩn giấu - không thể nhìn thấy liên quan đến niềm tin, chuẩn mực, nhận thức, tư tưởng, v.v. Chính văn hóa đóng vai trò định hướng và hình thành nên các đặc trưng riêng của giáo dục, từ đó góp phần tạo dựng bản sắc và diện mạo của nền giáo dục trong mỗi quốc gia, dân tộc. Văn hóa giáo dục tồn tại một cách trừu tượng và được nhận thấy thông qua các hoạt động giáo dục cụ thể, qua các tương tác giáo dục - đào tạo của mỗi cá thể học tập trong gia đình, nhà trường, xã hội, quốc gia. Trong thời đại ngày nay, làn sóng toàn cầu hóa làm cho quá trình giao lưu văn hóa giữa các quốc gia diễn ra mạnh mẽ và nhanh chóng. Sản phẩm của công nghiệp hóa, hiện đại hóa tác động mạnh đến sự chuyển đổi giá trị quan, nhân sinh quan, thế giới quan của loài người. Do đó, để sự chuyển đổi của tam quan này không làm mất đi bản sắc riêng của mỗi dân tộc/quốc gia và nhất là không phá vỡ những chuẩn mực đạo đức chung của nhân loại, văn hóa giáo dục trở thành một trong những công cụ quan trọng để văn hóa dân tộc vẫn được lưu giữ trong ngôi làng toàn cầu (global village), các chuẩn mực đạo đức chung

của nhân loại vẫn được tiếp nối. Đây là nguyên nhân chính thúc đẩy trào lưu nghiên cứu văn hóa giáo dục ngày càng phát triển từ đầu thế kỉ XX, khi mà sự giao lưu, nối kết giữa Tây và Đông ngày càng rõ nét thông qua giáo dục, thương mại, chính trị, v.v.

Bài báo cung cấp bức tranh tổng thể về tình hình nghiên cứu văn hóa giáo dục trên thế giới, từ đó đưa ra quan điểm về nghiên cứu văn hóa giáo dục nhằm khảo sát sự vận động của văn hóa giáo dục Nhật Bản thời đại toàn cầu hóa. Ngoài ra, bài báo sử dụng phương pháp định tính (hệ thống, phân tích) để nghiên cứu văn hóa giáo dục thông qua các hiện tượng văn hóa và sự tác động của các hệ thống bên ngoài lên văn hóa giáo dục. Bằng cách phân tích diễn ngôn từ các văn bản chính sách giáo dục và một số trường hợp cụ thể trong những năm đầu thế kỉ XXI, bài báo hướng đến mục đích cung cấp một mô hình lý giải về sự tương tác bên trong của văn hóa giáo dục.

## NỘI DUNG CHÍNH

**Lịch sử nghiên cứu lí luận về văn hóa giáo dục**

Trong nửa đầu thế kỷ XX, nghiên cứu về văn hóa giáo

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

### Liên hệ

Trần Thị Thuỳ Trang, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: thuytrang@hcmussh.edu.vn

### Lịch sử

- Ngày nhận: 28-07-2025
- Ngày sửa đổi: 21-01-2026
- Ngày chấp nhận: 25-05-2025
- Ngày đăng: 16-06-2026

DOI: <https://doi.org/10.32508/vnuhcmjssh.v10i2.1219>



Check for updates

### Bản quyền

© Tạp chí ĐHQG-HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

**Trích dẫn bài báo này:** Trang T T. Văn hóa giáo dục Nhật Bản thời đại toàn cầu hóa - từ lí luận đến thực tiễn. *VNUHCMJ. Soc. Sci. Humanit.* 2026; 10(2):3744-3751.

dục chủ yếu tập trung vào văn hóa học đường, bởi lẽ giáo dục thời kỳ đó gần như đồng nhất với giáo dục nhà trường<sup>1</sup>. Robert và Lawrence khẳng định văn hóa và giáo dục tạo thành một chỉnh thể thống nhất, có cùng chủ thể là con người trong quá trình tương tác với môi trường xã hội; các giá trị truyền thống giữ vai trò quyết định cách tổ chức và định hướng các trào lưu đổi mới giáo dục. Kế thừa lập luận này, các công trình giai đoạn tiếp theo mở rộng phạm vi khảo sát, xem hệ thống giáo dục và nền văn hóa của một quốc gia như một chỉnh thể ở cấp độ dân tộc, hình thành hai hướng nghiên cứu chính: thứ nhất, tiếp cận “từ trên xuống” (top-down) cho rằng hệ tư tưởng chính trị và quyền lực nhà nước kiến tạo diện mạo văn hóa giáo dục<sup>2-5</sup>; thứ hai, tiếp cận “từ dưới lên” (down-top) nhấn mạnh vai trò của hệ giá trị truyền thống, niềm tin và nhận thức cá nhân trong việc thay đổi nội dung, phương pháp và cấu trúc giáo dục<sup>6-8</sup>.

Tại Nhật Bản, năm 1939 Kido Mantaro đề xuất khái niệm, cấu trúc văn hóa giáo dục; song trong bối cảnh “học theo phương Tây, đuổi kịp phương Tây”, ông đặt trọng tâm vào kỹ thuật sinh hoạt<sup>9</sup>. Đến cuối thế kỷ XX, văn hóa giáo dục Nhật Bản được nghiên cứu dưới góc độ lịch sử<sup>10,11</sup>, chuyển từ việc đồng nhất với kỹ thuật giáo dục sang phân tích sự biến đổi của văn hóa giáo dục qua tương quan chính trị - kinh tế và bản sắc dân tộc. Bước sang thế kỷ XXI, hai tác phẩm tiêu biểu của tác giả Miyazawa Yasuto (2002) tiếp cận theo hướng nhân học và Sumida Masaki và Suzuki Shoko (2005) tiếp cận theo hướng văn hóa học, nhìn văn hóa giáo dục như một hệ thống lịch sử - xã hội, khảo sát các phương diện: biến đổi văn hóa trẻ em, trò chơi, môi trường truyền thông, ý thức cá nhân và quan niệm về trẻ em theo thời gian<sup>12,13</sup>. Năm 2011, Suzuki Shoko đề xuất khảo sát văn hóa giáo dục vượt ra khỏi phạm vi giáo dục nhà trường, coi văn hóa giáo dục là hiện tượng vô hình hình thành trong tương tác con người - con người, cần được nghiên cứu dưới góc độ sáng tạo và biến đổi xã hội<sup>14</sup>.

Tại Việt Nam, quan hệ hữu cơ giữa văn hóa và giáo dục đã được ghi nhận từ đầu thế kỷ XXI như một số công trình tiêu biểu như *Suy nghĩ về văn hóa giáo dục Việt Nam* của tác giả Dương Thiệu Tống (2000); *Môi trường giáo dục* của tác giả Phạm Hồng Quang (2006); *Văn hóa giáo dục Việt Nam thời kì đổi mới* của tác giả Nguyễn Duy Bắc (2011). Gần đây, bộ sách *Triết lý giáo dục Việt Nam: từ truyền thống đến hiện đại* do Trần Ngọc Thêm chủ biên (2021) phân tích mối liên hệ giữa văn hóa giáo dục với triết lý, chính sách, tổ chức, hạ tầng, nội dung và phương pháp giáo dục<sup>15</sup>. Dựa trên công trình này, Trần Thị Thùy Trang (2022) đề xuất mô hình văn hóa giáo dục gồm ba thành tố: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức và văn hóa ứng

xử, được phân tích theo các cặp bình diện trên-dưới, trong-ngoài và vận dụng để khảo sát văn hóa giáo dục Nhật Bản trong bối cảnh Covid-19<sup>16</sup>.

### Lí luận về văn hóa giáo dục trong mối quan hệ với văn hóa, giáo dục, triết lý giáo dục và cấu trúc văn hóa giáo dục

Từ các công trình nghiên cứu trước đó, có thể nhận thấy nghiên cứu văn hóa giáo dục không đơn thuần là sự kết hợp cơ học giữa hai lĩnh vực văn hóa và giáo dục, mà là cách tiếp cận cả hai như một chỉnh thể thống nhất. Giáo dục được vận hành thông qua sự tương tác giữa chủ thể giáo dục và người tiếp nhận, mà bản chất của mối quan hệ tương tác này được quy định và chi phối bởi các yếu tố văn hóa. Cả giáo dục và văn hóa đều là quá trình năng động, sản sinh ra cái mới, và đều xuất phát từ lập trường nhân văn - đặt con người vào vị trí trung tâm với tư cách là chủ thể sáng tạo. Khi đặt trong cùng hệ quy chiếu về chủ thể - không gian - thời gian, cả hai đều được nhận diện thông qua hệ thống giá trị cụ thể. Chính việc phân tích vùng giao thoa không thể tách rời giữa giáo dục và văn hóa đã hình thành khái niệm “văn hóa giáo dục”, giúp nhận diện và lý giải mối quan hệ tương hỗ, gắn bó mật thiết giữa hai lĩnh vực này.

Jerome Bruner cho rằng văn hóa giáo dục là một bộ phận của văn hóa, có chức năng giáo dục và duy trì văn hóa, diễn ngôn của văn hóa giáo dục cho phép nhân loại hiểu hiện tại, quá khứ<sup>3</sup>. Xuất phát từ quan điểm xã hội chú trọng đến yếu tố thành công, thành đạt về mặt kinh tế hơn là những yếu tố có tính chất nhân văn khác, K.A.Strike định nghĩa “văn hóa giáo dục là cốt lõi để xây dựng nhận thức giáo dục của một con người”<sup>17</sup>. Ở Nhật Bản, khái niệm văn hóa giáo dục, từ góc độ giáo dục, được tìm thấy đầu tiên trong công trình nghiên cứu về *Kỹ thuật sinh hoạt và văn hóa giáo dục* của Kido Mantaro: “Giáo dục là kỹ thuật giảng dạy kỹ năng sinh tồn của quốc dân, khi những kỹ thuật này được tổ chức mang tính quốc gia thì đó là văn hóa giáo dục” [9, tr.14], và nếu xem giáo dục là phương pháp giảng dạy, kỹ thuật sinh hoạt thì sự phát triển giáo dục cũng đồng nghĩa với việc sử dụng và gia cố công cụ phục vụ cho hoạt động giảng dạy. Từ những năm đầu thế kỷ XXI, ở Nhật Bản bắt đầu xuất hiện các công trình nghiên cứu văn hóa giáo dục ở góc độ tiếp xúc - tiếp biến văn hóa theo xu hướng chung của tiến trình toàn cầu hóa. Chính vì thế, khái niệm văn hóa giáo dục ở giai đoạn này đã có biên độ mở rộng hơn so với nửa cuối thế kỷ XX - đặt trọng tâm chỉ trong phạm vi nhà trường. Miyazawa Yasuto cho rằng: “Văn hóa giáo dục là cách thức sinh hoạt có tính lịch sử liên quan đến việc giáo dục thế hệ tiếp theo được hình thành và chia sẻ trong cộng đồng” và “dựa

vào việc sử dụng thuật ngữ văn hóa giáo dục có thể nhận thức được: (1) giáo dục là một bộ phận hữu cơ của văn hóa, (2) giáo dục là một tổng thể chức năng sống động” [12, tr.23]. Hoặc như hai tác giả Sumida Masaki, Suzuki Shoko quan sát văn hóa giáo dục như một mô thức văn hóa và định nghĩa “văn hóa giáo dục là giá trị quy định thực trạng, tinh hướng để vận hành giáo dục” [13, tr.155]. Năm 2011, trong công trình chuyên luận về văn hóa giáo dục, Suzuki Shoko định nghĩa “văn hóa giáo dục là cơ sở liên kết người với người, đặt trong góc nhìn tương tác, sáng tạo và biến đổi” [14, tr.13]. Từ những công trình nghiên cứu đi trước, có thể thấy rằng, văn hóa giáo dục là đặc trưng của hoạt động giáo dục, đặt trong mối quan hệ với tiếp biến và sáng tạo văn hóa. Vì thế, lí luận về văn hóa giáo dục không phải là lí luận về các hiện tượng giáo dục đơn lẻ, mà chính là lí luận về cái cốt lõi của hiện tượng giáo dục. Điều này tạo ra sự tách bạch giữa văn hóa giáo dục và giáo dục văn hóa. Văn hóa giáo dục nhấn mạnh đặc trưng văn hóa ở bình diện giáo dục. Trong khi đó, giáo dục văn hóa nhấn mạnh hoạt động giáo dục ở bình diện văn hóa.

Bên cạnh đó, không thể nghiên cứu văn hóa giáo dục một cách đầy đủ nếu không xem xét đến triết lí giáo dục - yếu tố đóng vai trò kim chỉ nam trong việc hoạch định chiến lược phát triển giáo dục của một quốc gia. Triết lí giáo dục không chỉ định hướng cho các nhà hoạch định chính sách, mà còn ảnh hưởng đến nhận thức, hành vi và cách thức tổ chức việc truyền thụ - tiếp nhận tri thức của người dân. Trong điều kiện lý tưởng, triết lí giáo dục của nhà cầm quyền và của người dân sẽ có sự tương đồng; tuy nhiên, thực tế cho thấy sự đồng thuận này thường chỉ mang tính tương đối. Triết lí giáo dục phản ánh bản chất nhận thức của các chủ thể tham gia hoạt động giáo dục, trả lời cho những câu hỏi mang tính nền tảng như: “Giáo dục là gì?”, “Giáo dục nhằm mục đích gì?”, và từ đó hình thành cơ sở để xây dựng các quan điểm về nội dung và phương pháp giáo dục. Do đó, mối quan hệ giữa bốn yếu tố: văn hóa - giáo dục - văn hóa giáo dục - triết lí giáo dục tạo ra điều kiện cần để nhận diện văn hóa giáo dục của một dân tộc hay quốc gia, đó là phải hiểu được các đặc trưng văn hóa dân tộc thông qua những biểu hiện trong giáo dục. Đồng thời, điều kiện đủ để thấu hiểu sâu sắc văn hóa giáo dục chính là nắm bắt được triết lí giáo dục đặc thù của quốc gia đó, trong mối liên hệ với bối cảnh văn hóa - chính trị - kinh tế cụ thể ở từng giai đoạn lịch sử.

Ngoài ra, khi xét đến cấu trúc văn hóa giáo dục, có thể thấy, bên cạnh các mối quan hệ biện chứng với các thiết chế bên ngoài giáo dục, tính hệ thống trong văn hóa giáo dục được hình thành dựa trên nền tảng nội tại của văn hóa giáo dục. Do sự đa dạng trong cách thiết lập cấu trúc của văn hóa (ví dụ cấu trúc ba

lớp và một lõi giá trị theo mô hình *củ hành tây văn hóa* (Onion model of culture) của Gerard Hendrik và Hofstede<sup>18</sup>, cấu trúc hai tầng theo mô hình *tàng băng văn hóa* (Cultural Iceberg model) của Edward Hall<sup>19</sup>, cấu trúc hai thành tố *vật thể* và *phi vật thể* của UNESCO<sup>20</sup>, cấu trúc ba thành tố *văn hóa nhận thức - văn hóa tổ chức - văn hóa ứng xử* của Trần Ngọc Thêm<sup>15</sup>), nên cấu trúc của văn hóa giáo dục cũng sẽ có nhiều cách phân chia tương ứng theo các lập luận khác nhau về cấu trúc của văn hóa. Từ quan điểm văn hóa giáo dục luôn luôn vận động theo quá trình tiếp xúc - tiếp biến văn hóa và sự thay đổi nội tại của chính nó như đã phân tích, có thể thấy cấu trúc ba thành tố văn hóa nhận thức - văn hóa tổ chức - văn hóa ứng xử tạo khung lí luận vững chắc để khảo sát văn hóa giáo dục Nhật Bản trong quá trình phát triển từ truyền thống đến hiện đại. Ba thành tố này cho phép làm sáng tỏ các giá trị, niềm tin, v.v. của giáo dục ở tầng sâu ẩn giấu - chi phối cách thức ứng xử; công cụ dạy-học, không gian dạy-học, cách thức thực hành giáo dục, v.v. được thể hiện ra bên ngoài thông qua cách thức tổ chức giáo dục.

Dựa trên lí luận về mối quan hệ của văn hóa và triết lí giáo dục, giáo dục, văn hóa, cũng như cấu trúc văn hóa giáo dục, bài nghiên cứu bước đầu kết nối lí luận với thực tiễn bằng cách xâu chuỗi từ sự chuyển đổi trong nhận thức giáo dục đến ứng xử và tổ chức trong hoạt động giáo dục, từ đó đưa ra một số luận điểm về văn hóa giáo dục Nhật Bản đặt trong bối cảnh ứng phó với các vấn đề xã hội thời đại toàn cầu hóa.

### Một số vấn đề nổi bật và giải pháp giáo dục của chính phủ Nhật Bản thời đại toàn cầu hóa dưới góc nhìn văn hóa

Sau khi thay đổi theo hướng dân chủ hóa vào nửa cuối thế kỉ XX, cách thức tổ chức quản lí hệ thống giáo dục nhà trường của Nhật Bản được Mĩ thiết lập sau chiến tranh thế giới thứ II gần như không thay đổi. Giá trị dân chủ được Mĩ đưa vào văn hóa giáo dục Nhật Bản vào nửa cuối thế kỉ XX đã bắt rễ trong cách thức tổ chức giáo dục nhà trường Nhật Bản. Nhà trường Nhật Bản ngày càng được tự chủ trong vận hành, tuy nhiên vẫn chịu sự chi phối của trung ương ở các phương diện như chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát và kiểm tra sứ mệnh giáo dục, khung chương trình giáo dục, để cương giảng dạy cấp phổ thông, sách giáo khoa, v.v.<sup>21</sup>. Từ cuối thế kỉ XX, Nhật Bản đã xây dựng văn hóa giáo dục dựa trên cặp giá trị chuyên chế - dân chủ theo cách thức vừa chuyên chế trong quản lí vận hành các tổ chức từ trung ương đến địa phương, từ nhà trường đến gia đình, xã hội, nhưng cũng vừa dân chủ, phân quyền cho các tổ chức địa phương được triển khai tùy vào tiềm lực, gia đình có cơ hội đồng hành

với quá trình trưởng thành của con cái trong trường học; vừa chuyên chế trong cách thức quản lý nội dung, phương pháp giáo dục trên toàn quốc, nhưng cũng vừa dân chủ để cho các cơ sở giáo dục phi chính thống được phát triển, hỗ trợ cho giáo dục chính thống [22, tr.132]. Cũng chính vì đặc trưng độc đáo trong sự kết hợp chuyên chế - dân chủ trong quản lý này mà nền giáo dục Nhật Bản có sự lai ghép vừa rất phương Tây (ở bình diện dân chủ), nhưng cũng vừa rất phương Đông (ở bình diện chuyên chế). Chính nhờ vào đặc trưng độc đáo này mà bức tranh văn hóa giáo dục Nhật Bản có thể nhìn ở góc độ bao quát khi khảo sát các chính sách, chủ trương của Chính phủ và sự thực thi các chủ trương này ở cấp địa phương để tìm ra điểm đồng nhất của văn hóa giáo dục mang tính quốc gia.

Với cách kết hợp vừa dân chủ để bảo đảm cho nền giáo dục có thể phát triển khai phóng phù hợp với thời đại, vừa chuyên chế để bảo đảm cho nền giáo dục được phát triển theo một trục triết lý giáo dục chung của quốc gia và gìn giữ bản sắc truyền thống của dân tộc, chỉ trong vòng ba thập niên sau khi tiến hành cải cách giáo dục dân chủ theo mô hình giáo dục kiểu Mĩ, nền giáo dục Nhật Bản đã đạt được những thành tựu vượt bậc, sánh ngang với các quốc gia phát triển trên thế giới<sup>23</sup>. Tuy nhiên, song song với những kết quả tích cực trong lĩnh vực giáo dục, khoa học - kỹ thuật và kinh tế, Nhật Bản cũng đang phải đối mặt với một loạt vấn đề xã hội ngày càng nghiêm trọng, tương tự nhiều quốc gia phát triển khác. Các vấn đề nổi bật có thể kể đến như: *thứ nhất*, tỷ lệ sinh giảm và dân số già hóa, làm suy giảm sức sống của toàn xã hội; *thứ hai*, sự thay đổi trong cấu trúc cộng đồng và gia đình, dẫn đến xu hướng cô lập cá nhân ngày càng gia tăng; *thứ ba*, nhu cầu giáo dục ngày càng đa dạng và gắn kết chặt chẽ với quá trình toàn cầu hóa<sup>24</sup>.

Trước thực trạng đó, bước sang thế kỷ XXI, nhận thức mới về mục tiêu giáo dục của Nhật Bản thể hiện qua nhận thức về ba trụ cột năng lực cốt lõi. Đây được xem như triết lý giáo dục thời đại mới của Nhật Bản nhằm định hướng phát triển hệ thống giáo dục nước nhà, bao gồm: *thứ nhất*, tri thức và kỹ năng; *thứ hai*, năng lực tư duy, năng lực phán đoán và năng lực diễn đạt; *thứ ba*, phẩm chất nhân văn trong quá trình học tập. Ba trụ cột này được xây dựng trên cơ sở gợi ý từ báo cáo của UNESCO công bố năm 1996<sup>25</sup>.

Từ nhận thức giáo dục mới này, Nhật Bản đã thực hiện nhiều cải cách trong tổ chức giáo dục và ứng xử giáo dục, cụ thể là những biểu hiện chuyển đổi trong một số hoạt động giáo dục, hoạt động văn hóa - xã hội điển hình.

Liên quan đến các biểu hiện của văn hóa giáo dục trong hoạt động giáo dục, vào năm 2017, MEXT (Ministry of Education, Culture, Sports, Science and

Technology - Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ) đã công bố Đề cương Chỉ đạo học tập và triển khai đề cương này trên toàn quốc với phương châm kế thừa cách thức tổ chức giáo dục kép của giai đoạn trước (giảng dạy trong lớp học và trải nghiệm cuộc sống)<sup>26</sup>. Việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa, ví dụ kiến tập mùa hè, tham quan bảo tàng, sở thú, trang trại, v.v. nhằm phát huy vai trò tự quản của học sinh được các trường học Nhật Bản tổ chức định kỳ, đồng loạt trên toàn quốc. Đặc biệt, trong chương trình giảng dạy của Nhật Bản từ thế kỷ XXI đã được bổ sung thêm giáo dục kinh tế tài chính ở cấp phổ thông với mục tiêu nâng cao sự hiểu biết của trẻ em về tài chính, tài sản, quản lý chi tiêu, v.v. tương thích với cách sống, cách làm việc, hoạch định tương lai một cách đa dạng của mỗi cá nhân trong thời đại “100 năm cuộc đời”. Từ tháng 4 năm 2022, theo Luật Dân quyền sửa đổi, tuổi thành niên được qui định là 18 (thay vì 20 tuổi như trước đây). Dựa trên sự thay đổi này, học sinh trung học phổ thông khi đến 18 tuổi đã có thể có thể tín dụng, tự chịu trách nhiệm về các khoản vay tài chính, kí kết các dạng hợp đồng mang tính pháp lý về mặt tài chính, v.v. Vì thế, chương trình giáo dục này được cho là một cải tiến mới trong giáo dục Nhật Bản hướng đến mục tiêu tri thức phải gắn liền với cuộc sống thực tế [27, tr.58]. Giáo dục tài chính ở Nhật Bản đã dẫn thay đổi hành vi tiêu dùng của thanh niên theo hướng có trách nhiệm, biết lập kế hoạch tài chính, kiểm soát chi tiêu và tránh các hành vi tiêu dùng thái quá. Đây là một bước quan trọng giúp giới trẻ Nhật Bản chuẩn bị tốt hơn cho cuộc sống tài chính độc lập trong tương lai<sup>28</sup>. Sự cập nhật này cho thấy văn hóa giáo dục Nhật Bản nhấn mạnh sự kết hợp giữa học thuật và trải nghiệm thực tế. Cách thức cập nhật thức thời nội dung, phương pháp giáo dục (tăng cường giáo dục kỹ năng sống và quản lý tài chính, thích nghi với sự thay đổi của luật pháp đối với tuổi thành niên) chứng tỏ sự linh hoạt trong giáo dục của Nhật Bản, cũng như bộc lộ được mặt lợi ích của tính chuyên chế trong quản lý giáo dục của Trung ương ở phương diện: cập nhật nhanh chóng, có hệ thống và toàn diện trên toàn quốc.

Vào năm 2019, Nhật Bản đã khởi động một kế hoạch lớn nhằm xây dựng môi trường giáo dục ứng dụng công nghệ với mục tiêu “không để học sinh nào bị bỏ lại phía sau”. Một trong những dự án trọng điểm là Sáng kiến Trường học GIGA, tập trung vào việc cải thiện cơ sở hạ tầng số trong hệ thống giáo dục. Theo đó, tất cả học sinh từ lớp 1 đến lớp 9 trên toàn quốc được trang bị máy tính bảng cá nhân. Dựa trên nền tảng công nghệ này, toàn bộ chương trình học, phương pháp giảng dạy, kiểm tra và đánh giá được thiết kế lại để học sinh có thể chủ động học tập mọi lúc, mọi nơi. Sự kết hợp giữa công nghệ hiện đại và

tinh thần đổi mới giáo dục phản ánh quan điểm thực tiễn và thúc đẩy của Nhật Bản trong việc tiếp cận giáo dục - một bước đi chiến lược nhằm dẫn đầu quá trình chuyển đổi sang xã hội 5.0, nơi công nghệ trở thành cánh tay năng lực nối dài của con người để thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Nhờ vào dự án Sáng kiến Trường học GIGA mà trong đại dịch Covid-19, Nhật Bản đã có thể đẩy mạnh hiệu quả của giáo dục trực tuyến. Việc học trực tuyến vào giai đoạn cao điểm của dịch bệnh được Chính phủ hỗ trợ ở mọi phương diện từ nội dung giáo dục đến các biện pháp bảo vệ sức khỏe tinh thần, thể chất của học sinh khi phải ở nhà quá lâu. Các giải pháp tức thời cho việc học từ xa như quay hình nội dung học theo dạng phim truyện, hoạt hình, cung cấp trang thiết bị học tập cho học sinh, tổ chức liên lạc giữa nhà trường và học sinh, tư vấn sức khỏe, v.v. đã giúp Nhật Bản thoát khỏi cái bẫy của giáo dục trực tuyến mà nhiều quốc gia gặp phải<sup>29</sup> cái bẫy giáo dục theo phương thức truyền thống, khi mà học sinh chỉ có thể đối diện với máy tính, nghe giảng từ những video được thu hình sẵn.

Đặc biệt, dự án này trở thành bước đệm quan trọng cho Nhật Bản tiến tới: *thứ nhất*, tăng năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho trẻ em; *thứ hai*, thử nghiệm ứng dụng AI vào chương trình giáo dục phổ thông phù hợp với xu hướng phát triển và làm chủ trí tuệ nhân tạo mà các quốc gia đang hướng tới trong thế kỷ XXI.

Liên quan đến chương trình giáo dục nhằm hiện thực hóa mục tiêu tăng năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho trẻ em, dựa trên kết quả điều tra năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của MEXT vào năm 2022 trên 14.219 học sinh từ cấp tiểu học đến cấp trung học phổ thông tại 479 trường học trên toàn quốc, mức độ thành thạo năng lực ứng dụng thông tin được chia thành 09 cấp độ (từ cấp 1 đến cấp 9). Trong đó, đối với học sinh cấp 3, có 9,7% đạt cấp 9; 14,5% đạt cấp 8; 20,4% đạt cấp 7; 21,9% đạt cấp 6; 17,4% đạt cấp 5. Ngoài ra, theo điều tra, khi cấp độ sử dụng công nghệ thông tin thành thạo tăng lên, học sinh có khả năng đối ứng với những tình huống đòi hỏi phải hiểu bối cảnh phức tạp hơn cũng như thực hiện được một chuỗi nhiều bước trong quá trình giải quyết vấn đề hơn<sup>30</sup>.

Liên quan đến thử nghiệm ứng dụng AI vào trường học, cho đến cuối năm 2024, Nhật Bản đã có 118 trường học trên toàn quốc ứng dụng thực nghiệm AI vào công tác giảng dạy và đã có báo cáo kết quả gửi đến MEXT<sup>31</sup>. Các kết quả này được công khai trên trang thông tin của MEXT để các trường trên toàn quốc có thể tham khảo và chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau. Việc triển khai ứng dụng AI trong giảng dạy và tổng hợp báo cáo đến MEXT cho thấy Nhật Bản có văn hóa giáo dục chú trọng thử nghiệm và đánh giá

thực tiễn. Thay vì áp dụng đồng loạt ngay từ đầu, họ thử nghiệm trên quy mô nhỏ, thu thập dữ liệu, sau đó chia sẻ công khai để các trường tham khảo và học hỏi lẫn nhau. Việc công khai kết quả thử nghiệm AI trên toàn quốc cho thấy một nét văn hóa đặc trưng trong giáo dục Nhật Bản: chia sẻ tri thức vì sự phát triển chung. Các trường không hoạt động biệt lập mà trở thành một phần trong hệ sinh thái giáo dục ứng dụng trí tuệ nhân tạo - điểm giao thông tin, giúp kinh nghiệm và thực hành được lan tỏa rộng rãi. Điều này góp phần đào sâu giá trị trọng cộng đồng có từ truyền thống của dân tộc Nhật Bản và tối ưu hóa nguồn lực của toàn hệ thống giáo dục trong bối cảnh nguồn lao động bị giảm do dân số bị già hóa.

Bên cạnh đó, trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, văn hóa giáo dục Nhật Bản giai đoạn hiện nay phản ánh tinh thần cởi mở, phóng khoáng và đậm tính cá nhân, đặc biệt ở thế hệ trẻ. Diện mạo này được thể hiện rõ nét qua các sự kiện văn hóa quy mô lớn. Chẳng hạn, tại lễ hội Cosplay ở Tokyo, bên cạnh những nhân vật hoạt hình quen thuộc, một nhóm thanh niên đã hóa thân thành lực lượng cảnh sát đặc nhiệm với dòng chữ hài hước “Đội đặc nhiệm giữ nhà” in trên lưng áo - ngụ ý châm biếm nhẹ nhàng về tình trạng NEET (thanh niên không đi học, không đi làm, không đào tạo nghề) đang tồn tại trong xã hội Nhật. Tại lễ hội diễu hành ở Asakusa, một số nhóm bạn trẻ đã tái tạo trang phục truyền thống như Samurai, Kimono, hay Sumo theo phong cách Carnival gợi cảm, thể hiện tinh thần sáng tạo và tự do bộc lộ cá tính. Tuy những hoạt động văn hóa - xã hội này không nằm trong khuôn khổ giáo dục của nhà trường nhưng cách thức sáng tạo cũng như tính quy mô trong việc hưởng ứng, tham gia của giới trẻ tại các hoạt động này cho thấy kết quả giáo dục của trường học. Thông qua các hoạt động văn hóa điển hình này, giới trẻ Nhật Bản được thể hiện bản thân một cách linh hoạt và phi truyền thống, cho thấy giáo dục không chỉ giới hạn trong khuôn khổ nhà trường mà còn lan tỏa vào đời sống văn hóa - xã hội, nuôi dưỡng khả năng thể hiện cá tính và tư duy phản biện. Điều này cũng cho thấy giáo dục Nhật Bản hướng đến sự cân bằng giữa bảo tồn văn hóa và sáng tạo.

Một biểu hiện đáng chú ý khác cho thấy sự chuyển biến sâu sắc trong văn hóa giáo dục Nhật Bản chính là cách tiếp cận mới về giáo dục phân công lao động trong gia đình ở thế kỷ XXI. Nếu vào những năm 1960, phụ nữ Nhật Bản chủ yếu đảm nhận vai trò chăm sóc con cái và nội trợ, thì đến cuối thế kỷ XX, quan niệm này bắt đầu thay đổi theo hướng chia sẻ trách nhiệm giữa các thành viên trong gia đình. Môn học “Cơ sở gia đình” hiện đại mở đầu bằng chương dạy học sinh cách tư duy để “Thiết kế cuộc đời mình”, với khẩu hiệu nổi bật: “Cuộc đời em do chính em

quyết định”. Sách giáo khoa trình bày nhiều quan điểm mới, phủ nhận những quy chuẩn cố định như “phải kết hôn” hay “phải sinh con”, và giới thiệu cách hiểu gia đình theo hướng xã hội hóa: giặt đồ có thể mang đến tiệm giặt ủi, chăm sóc người già có thể nhờ các trung tâm phúc lợi, nuôi trẻ có thể gửi các tổ chức xã hội, và bữa ăn có thể dùng tại các nhà hàng, tiệm ăn bên ngoài [32, tr.19]. Tuy Nhật Bản đã bắt đầu tiếp nhận chủ nghĩa cá nhân từ phương Tây từ thời Minh Trị, nhưng hình mẫu người phụ nữ, cũng như tư duy mới về phân công lao động trong gia đình, xã hội mới thực sự được đổi mới một cách chính thức trong nội dung giảng dạy ở trường học vào đầu thế kỉ XXI. Chính vì thế, biểu hiện này cho thấy sự thích ứng của giáo dục với những thay đổi sâu rộng trong xã hội Nhật Bản hiện đại.

Sự thay đổi căn bản này - từ quan điểm phân công nội bộ trong gia đình sang mô hình chia sẻ với xã hội, cho thấy tư duy giáo dục Nhật Bản đang ngày càng đề cao tinh thần khai phóng, nhân quyền và sự lựa chọn cá nhân trong tổ chức đời sống gia đình. Các nội dung như “Thiết kế cuộc đời”, hay khẩu hiệu “Cuộc đời em do chính em quyết định” cho thấy giáo dục Nhật Bản đang tích cực lồng ghép các giá trị sống hiện đại vào chương trình giảng dạy, thúc đẩy học sinh tự lập, tự quyết định tương lai của mình.

Từ các ví dụ về sự đổi mới trong giáo dục Nhật Bản từ cuối thế kỉ XX nêu trên, có thể thấy, về mặt quản lí, Nhật Bản vẫn giữ tính chuyên chế tập trung quyền lực ở cấp Trung ương trong việc vận hành các tổ chức từ giáo dục nhà nước cho đến nội dung, phương pháp giáo dục quốc gia. Tuy nhiên, đồng thời hệ thống cũng thể hiện tính dân chủ khi phân quyền cho các tổ chức giáo dục địa phương và phi chính thống được tự chủ triển khai phù hợp với điều kiện cụ thể, đồng thời tạo cơ hội cho gia đình tham gia đồng hành cùng giáo dục. Sự phối hợp này tạo ra một nền giáo dục vừa mang màu sắc phương Tây với hệ thống phân quyền, tự chủ và dân chủ, vừa rất phương Đông với quản lí tập trung, nghiêm ngặt và bảo tồn giá trị truyền thống. Cách tổ chức giáo dục kép này giúp giáo dục Nhật Bản có được sự linh hoạt trong cập nhật nội dung giáo dục giúp hệ thống thích nghi nhanh với các thay đổi xã hội và luật pháp. Đặc biệt, phương pháp giáo dục kép vừa giảng dạy trong lớp học, vừa trải nghiệm thực tế được duy trì để cân bằng giữa học thuật và trải nghiệm, hướng tới việc khai phóng cá nhân, mở rộng quyền lựa chọn và thúc đẩy phẩm chất nhân văn nhằm thích ứng với xã hội hiện đại nhưng đồng thời bảo vệ bản sắc truyền thống. Tinh thần “lai ghép” này giúp tạo ra một hệ thống giáo dục linh hoạt, vừa giữ được trật tự, ổn định và chuẩn hóa từ Trung ương, vừa tạo điều kiện cho sự phát triển sáng tạo, đa dạng tại địa phương và trong cộng đồng.

## KẾT LUẬN

Bài báo đã cung cấp bức tranh tổng thể về lịch sử nghiên cứu văn hóa giáo dục trên thế giới dựa trên các quan niệm về vị trí của giáo dục đặt trong thiết chế chính trị, hệ thống giáo dục, bản sắc văn hóa của một quốc gia. Đồng thời, bài báo cũng đã lập luận và đưa ra nhận định liên quan đến lí luận về văn hóa giáo dục trong mối quan hệ giữa bộ bốn giáo dục - văn hóa - văn hóa giáo dục - triết lí giáo dục trong nghiên cứu văn hóa giáo dục. Mối quan hệ của bộ bốn này trong nghiên cứu văn hóa giáo dục giúp kết quả nghiên cứu có cơ sở, hệ thống và đặc biệt là có thể lí giải được sự vận động, biến đổi trong văn hóa giáo dục của một quốc gia/dân tộc trong bối cảnh không gian và lịch sử cụ thể. Đặc biệt, bài báo đề xuất cấu trúc để nghiên cứu văn hóa giáo dục với quan điểm văn hóa giáo dục luôn luôn vận động theo quá trình tiếp xúc - tiếp biến văn hóa và sự thay đổi nội tại của chính nó để khảo sát văn hóa giáo dục Nhật Bản trong bối cảnh phải ứng phó với nhiều vấn đề lớn của giáo dục khi bước vào thế kỉ XXI. Cấu trúc văn hóa giáo dục này giúp xuyên suốt các giá trị, niềm tin của giáo dục ở tầng sâu ẩn giấu, cách thức ứng xử, cách thức thực hành giáo dục thành hệ thống có logic để hiểu rõ về đặc trưng văn hóa giáo dục ở tầm vĩ mô như một quốc gia, một thành phố/tiểu bang hay ở tầm vi mô như một cơ sở giáo dục.

Ngoài ra, dựa trên lí luận về mối quan hệ của văn hóa và triết lí giáo dục, giáo dục, văn hóa, cũng như cấu trúc văn hóa giáo dục, bài nghiên cứu bước đầu ứng dụng lí luận này để xuyên suốt sự chuyển đổi trong nhận thức giáo dục, ứng xử và tổ chức trong hoạt động giáo dục để đưa ra một số luận điểm về văn hóa giáo dục Nhật Bản đặt trong bối cảnh ứng phó với các vấn đề xã hội thời đại toàn cầu hóa.

Đi từ lí luận về văn hóa giáo dục, bài báo đã nỗ lực kết nối lí luận với các biểu hiện giáo dục Nhật Bản thế kỉ XXI. Từ đó, bài báo đã chỉ ra một số đặc trưng trong văn hóa giáo dục Nhật Bản theo tiến trình thay đổi nhận thức giáo dục đến các cải cách trên bình diện tổ chức giáo dục và ứng xử trong giáo dục thông qua các hoạt động giáo dục và hoạt động văn hóa - xã hội. Một số cải cách nổi bật trong giáo dục Nhật Bản nhằm mục đích hiện thực hóa ba trụ cột năng lực cốt lõi (tri thức và kỹ năng; năng lực tư duy, năng lực phán đoán và năng lực diễn đạt; phẩm chất nhân văn trong quá trình học tập) được trình bày một cách hệ thống theo khung cấu trúc đề xuất, ví dụ thay đổi Đề cương Chỉ đạo học tập, xây dựng hệ thống Sáng kiến Trường học GIGA cung cấp máy tính, máy tính bảng miễn phí cho toàn bộ học sinh tiểu học và trung học cơ sở trên toàn quốc, phổ cập - định hướng sử dụng AI cho học sinh, phổ cập kiến thức tài chính cho học sinh, quy định lại

độ tuổi được quyền công dân, mở rộng quan điểm về giới trong gia đình, v.v. Các ví dụ này phần nào chứng minh tính thức thời, thực học và tư duy đột phá, vượt trội đã có từ lâu đời trong truyền thống văn hóa Nhật Bản.

Tóm lại, kết quả nghiên cứu chính đã giới thiệu khung lý luận về văn hóa giáo dục, cấu trúc của văn hóa giáo dục. Bài báo đã sử dụng cấu trúc này để nghiên cứu một số thay đổi nổi bật trong giáo dục Nhật Bản từ cuối thế kỉ XX cho đến nay. Những đổi mới của giáo dục Nhật Bản đặt trong hệ thống khảo sát phần nào cho thấy một số đặc trưng của văn hóa giáo dục Nhật Bản trong quá trình hiện thực hóa ba trụ cột năng lực cốt lõi trong giáo dục thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa. Các ví dụ như ứng dụng công nghệ (GIGA, AI), lồng ghép giáo dục thực tiễn (tài chính, gia đình), và sự cởi mở trong các hoạt động văn hóa - xã hội cho thấy văn hóa giáo dục Nhật Bản trong kỷ nguyên toàn cầu hóa không phải là một quá trình đồng nhất hóa giản đơn, mà là một sự “lai ghép” giữa truyền thống và hiện đại một cách năng động và có chọn lọc. Kinh nghiệm của Nhật Bản cho thấy việc xây dựng một nền giáo dục tiên tiến hoàn toàn có thể song hành với việc làm giàu thêm bản sắc dân tộc, mang đến những gợi ý tham khảo quý báu cho các quốc gia đang trong quá trình cải cách giáo dục và hội nhập quốc tế, trong đó có Việt Nam. Vì nghiên cứu đặt trọng tâm vào các chuyển biến tích cực trong văn hóa giáo dục nhằm gợi ý tham khảo, cho nên các biểu hiện tiêu cực, hay nói cách khác, các vấn đề mới phát sinh trong văn hóa giáo dục do cải cách giáo dục từ đầu thế kỉ XXI chưa được bàn đến.

## LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ Đề tài mã số TC2025-08.

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

UNESCO: United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization (Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc)

MEXT: Ministry of Education, Culture, Sports, Science and Technology (Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ)

GIGA: Global and Innovation Gateway for All (Nền tảng kết nối toàn cầu và sáng tạo dành cho mọi người)

AI: Artificial Intelligence (Trí tuệ nhân tạo)

NEET: Not in Education, Employment, or Training (không học hành, không làm việc, không được đào tạo)

## TUYÊN BỐ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

## TUYÊN BỐ ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Tác giả đã vận dụng phương pháp định tính cụ thể là hệ thống toàn bộ các lý luận về văn hóa giáo dục, tra cứu tài liệu liên quan đến giáo dục Nhật Bản và phân tích các đặc điểm giáo dục này dưới góc độ văn hóa giáo dục.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Robert FB, Lawrence AC. A history of education in American culture. America: Holt; 1953.
2. Adam W. Culture and Power in Educational Organizations. America: Open University Press; 1988.
3. Bruner J. The culture of education. England: Harvard University Press; 1996.
4. Pai Y, Adler SA. Cultural Foundations of Education. America: Pearson Education; 2006.
5. Spindler GD. Education and Cultural Process: Anthropological Approaches. America: Waveland Pr Inc; 1997.
6. Janardan P. Cultural Factors Causing Differences in Quality Education. Culture and Society. 2013;2:1-10.
7. Roger D. Globalization and Education: Demonstrating a “common world educational culture” or locating a “globally structured educational agenda”. Educational Theory. 2000;50(4):427-48.
8. Tatiana S, Simona V. Past educational cultures influences on present perceptions of education. Management & Marketing Challenges for the knowledge society. 2012;7(3):513-30.
9. Kido M. 生活技術と教育文化 [Kĩ thuật sinh hoạt và văn hóa giáo dục]. Japan: Asakura Shoten; 1946. Japanese.
10. Ishiyama S. 教育文化史体系 [Hệ thống lịch sử văn hóa giáo dục]. Japan: Kaneko Shobo; 1953. Japanese.
11. Takahashi S. 日本教育文化史 [Lịch sử văn hóa giáo dục Nhật Bản]. Japan: Kodan Sha; 1978. Japanese.
12. Miyazawa Y. 教育文化論 [Lý luận văn hóa giáo dục]. Japan: Hiệp hội xúc tiến giáo dục Đại học phát thanh; 2002. Japanese.
13. Sumida M., Suzuki S. 教育文化論 [Lý luận văn hóa giáo dục]. Japan: Hoso-daigaku Shinkyo-kai; 2005. Japanese.
14. Suzuki Shoko. 教育文化論特論 [Chuyên luận văn hóa giáo dục]. Japan: Daigakuin-Bunkakagaku Kenkyuka; 2011. Japanese.
15. Trần NT, chủ biên. Triết lý giáo dục Việt Nam: Từ truyền thống đến hiện đại. TP. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; 2021.
16. Trần TTT. Japanese educational culture in times of the COVID-19 pandemic. Policy Futures in Education. 2022;0(0).
17. Strike KA. Ethical leadership in schools: creating community in an environment of accountability. Thousand Oaks (CA): Corwin Press; 2007. DOI: 10.4135/9781483329178.
18. Hofstede G, Hofstede GJ. Cultures and organizations: Software of the mind. 2nd ed. New York: McGraw-Hill; 2005.
19. Hall ET. Beyond culture. Garden City (NY): Anchor Press; 1977.
20. Ulusoy FOG. Integrated documentation of tangible and intangible cultural heritage in urban historical sites. International Archives of the Photogrammetry, Remote Sensing and Spatial Information Sciences. 2023. DOI: 10.5194/isprs-archives-XLVIII-M-2-2023-701-2023.
21. Kyoiku Horei Kenkyu-kai. 図表でわかる教育法令 [Hiệu về pháp lệnh giáo dục qua biểu đồ]. Japan: Gakuyoushobou; 2015. Japanese.
22. Trần TTT. Sự biến đổi giá trị trong văn hoá giáo dục Nhật Bản từ thời Minh Trị đến nay [luận án tiến sĩ]. Thành phố Hồ Chí Minh: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn; 2024.
23. OECD. Lessons from PISA for Japan, Strong performers and successful reformers in education. Paris: OECD; 2012.
24. Trần TTT. Triết lý giáo dục Nhật Bản thế kỷ 21. Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ - Khoa học Xã hội và Nhân văn. 2020;4(2): 395-400.
25. UNESCO. Learning: the treasure within; report to UNESCO of the International Commission on Education for the Twenty-first Century. London: HMSO; 1996.
26. MEXT. 平成29・30・31年改訂 学習指導要領 周知・広報ツール [Đề cương chỉ đạo học tập cải chính năm 2017, 2018, 2019 - Thông tin chi tiết và công cụ quảng bá] [Internet]. Tokyo: MEXT; 2017 [cited 2025 Jul 21]. Available from: [https://www.mext.go.jp/a\\_menu/shotou/new-cs/1413516.htm](https://www.mext.go.jp/a_menu/shotou/new-cs/1413516.htm)
27. Hội nghiên cứu tương lai giáo dục. 図解 最新教育ワード 2025-2026 [Niên giám Từ khóa giáo dục mới nhất]. Japan: Meijitoshoh; 2025. Japanese.
28. Chinen K, Endo H. Observation of Financial Literacy among the Selected Students in the U.S. and Japan. International Journal of Economics and Finance. 2014;6(9):95. DOI: 10.5539/ijef.v6n9p95. Available from: [https://www.researchgate.net/publication/269710562\\_Observation\\_of\\_Financial\\_Literacy\\_among\\_the\\_Selected\\_Students\\_in\\_the\\_US\\_and\\_Jap](https://www.researchgate.net/publication/269710562_Observation_of_Financial_Literacy_among_the_Selected_Students_in_the_US_and_Jap) an [cited 2025 Oct 13].
29. Allen J, Rowan L, Singh P. Teaching and teacher education in the time of COVID-19. Asia-Pacific Journal of Teacher Education. 2020;48(3).
30. MEXT. 情報活用能力調査 調査結果 [Điều tra năng lực sử dụng công nghệ thông tin - Kết quả điều tra] [Internet]. Tokyo: MEXT; 2023 [cited 2025 Jul 21]. Available from: [https://www.mext.go.jp/content/20230712-mxt\\_jogai01-000026776-001.pdf](https://www.mext.go.jp/content/20230712-mxt_jogai01-000026776-001.pdf)
31. MEXT. 先行取組事例/事業成果報告書 [Các mô hình thí điểm đã thực hiện/ Báo cáo kết quả thực hiện dự án] [Internet]. Tokyo: MEXT; 2024 [cited 2025 Jul 21]. Available from: <https://www.mext.go.jp/zyoukatsu/ai/case.html>
32. Ozawa K, editor. 未来へつなぐ 家庭基礎365 [Cổ sở gia đình 365 nối kết tương lai]. Japan: Kyoiku-Toshoh; 2021. Japanese

# From Theory to Practice: the Japanese Educational Culture in the Era of Globalization

Tran Thi Thuy Trang\*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

## ABSTRACT

Entering the 21st century, in the context of globalization where most countries around the world are being drawn into a process of homogenization across various domains, including education, economy, politics, and etc., distinctive elements, which embody the national identity, have increasingly garnered the special attention from society. This growing interest has made cultural studies a crucial and urgent task. Within this trend, education, one of the pillars underpinning a nation's strength, has also become a subject of cultural investigation, particularly since the late 20th century. Therefore, theories of educational culture, especially their applied research, play a pivotal role in identifying the nature and features of education within the specific cultural contexts of each country and ethnic group. The article applies a qualitative method (literature review and discourse analysis of educational policy documents) to theorize about educational culture; and based on the educational culture framework proposed by the theory, it connects various manifestations in educational activities and socio-cultural activities in Japan revolving around the three core competency pillars: (1) knowledge and skills, (2) thinking, judgment, and expressive competencies, and (3) humanity in learning, to adapt to major societal issues brought by modernization and globalization. The main research result of the article contributes to the theoretical understanding of educational culture. Its preliminary survey and evaluation of Japanese educational culture serve as lessons and experiences for Vietnam in promoting the national identity while implementing educational innovation in the era of globalization.

**Key words:** educational cultural theory, Japanese educational culture, Japanese education, globalization, identity

University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

## Correspondence

**Tran Thi Thuy Trang**, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: thuytrang@hcmussh.edu.vn

## History

- Received: 28-07-2025
- Revised: 21-01-2026
- Accepted: 25-05-2026
- Published Online: 16-06-2026

**DOI** :<https://doi.org/10.32508/vnuhcmjssh.v10i2.1219>



## Copyright

© VNUHCM Journal . This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

**Cite this article :** Trang T T T. **From Theory to Practice: the Japanese Educational Culture in the Era of Globalization.** *VNUHCMJ. Soc. Sci. Humanit.* 2026; 10(2):3744-3751.